

K/c L.NY

N

Ký duyệt

Ng

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 26.656
	Giờ: Ngày 15 tháng 8 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính	11 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, với vốn điều lệ là 178.093.360.000 đồng, cụ thể như sau:

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	4.750.650	47.506.500.000	26,7
Cổ đông khác	13.058.686	130.586.860.000	73,3
Cộng	17.809.336	178.093.360.000	100

Cho đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Chí Thành	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26/03/2011)
Ông Huỳnh Trung Chánh	Phó Chủ tịch thường trực / Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Thành viên / Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Trịnh Hoài Giang	Thành viên
Ông Hoàng Công Toàn	Thành viên (từ nhiệm ngày 26/03/2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tiến	Phó Tổng Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Văn phòng đại diện Công ty được đặt tại số 37 đường Thành Thái, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23 -24N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại 77 - Lý Nhân Tông, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 155, đường Phan Đình Phùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

4. Hoạt động chính

Trong giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm - thực phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc. Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của Báo cáo tài chính giữa niên độ.

9. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

HUỲNH TRUNG CHÁNH

Phó Chủ tịch thường trực

Thành phố Cao Lãnh, ngày 05 tháng 8 năm 2011

Số: 00087.HCM/46.11

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNHvề Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày được lập ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 5 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**BÙI TUYẾT VÂN****Phó Tổng Giám Đốc**

Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2011

NGUYỄN THỦY HOA**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số 0423/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		447.977.565.719	436.617.528.961 ✓
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	41.503.739.369	41.392.630.785 ✓
Tiền	111		41.503.739.369	41.392.630.785
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.515.103.281	185.120.424.859 ✓
Phải thu khách hàng	131	4.2	196.660.324.943	178.312.460.440
Trả trước cho người bán	132	4.3	30.832.090.056	8.383.145.351
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.083.511.230	4.485.642.016
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.060.822.948)	(6.060.822.948)
Hàng tồn kho	140	4.5	173.886.212.106	199.460.540.525 ✓
Hàng tồn kho	141		173.886.212.106	199.460.540.525
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.072.510.963	10.643.932.792 ✓
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	3.591.855.930	3.355.361.128
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.630.878.308	960.841.582
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	4.849.776.725	6.327.730.082
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		325.679.581.484	330.190.987.708 ✓
Tài sản cố định	220		241.930.515.490	242.938.886.127 ✓
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	176.043.266.962	181.295.165.767
Nguyên giá	222		283.420.971.098	276.897.851.546
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.377.704.136)	(95.602.685.779)
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	37.918.830.930	38.154.107.719
Nguyên giá	228		38.993.756.997	38.952.756.997
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.074.926.067)	(798.649.278)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	27.968.417.598	23.489.612.641
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		80.783.980.000	84.033.180.000 ✓
Đầu tư vào công ty con	251	4.11	6.500.000.000	4.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.12	73.570.200.000	73.570.200.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.13	713.780.000	5.962.980.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.965.085.994	3.218.921.581 ✓
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.14	2.965.085.994	3.218.921.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		773.657.147.203	766.808.516.669 ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		237.765.738.979	220.316.632.699 ✓
Nợ ngắn hạn	310		218.994.836.737	195.047.112.250 ✓
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.15	89.601.217.473	112.982.981.362
Phải trả người bán	312	4.16	58.974.566.455	42.640.270.151
Người mua trả tiền trước	313		3.506.613.475	1.779.555.838
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.17	8.669.974.645	12.138.683.380
Phải trả người lao động	315		12.324.453.992	10.233.953.653
Chi phí phải trả	316	4.18	9.565.000.000	-
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.19	31.940.120.182	10.485.221.534
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.20	4.412.890.515	4.786.446.332
Nợ dài hạn	330		18.770.902.242	25.269.520.449 ✓
Phải trả dài hạn khác	333	4.21	1.941.644.424	931.249.931
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	16.667.401.700	24.084.901.700
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	4.23	161.856.118	253.368.818
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		535.891.408.224	546.491.883.970 ✓
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	535.891.408.224	546.491.883.970 ✓
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		178.093.360.000	178.093.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		229.275.000.000	229.275.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.737.386.415)	(15.737.386.415)
Quỹ đầu tư phát triển	417		81.196.271.244	58.236.641.879
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.809.336.000	14.225.821.980
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.254.827.395	82.398.446.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		773.657.147.203	766.808.516.669 ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
1. Ngoại tệ các loại USD		4.124,62	6.120,00



HUYNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 05 tháng 8 năm 2011

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	564.956.663.088	516.512.349.876
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	29.535.284.468	29.252.768.467
Doanh thu thuần	10	5.3	535.421.378.620	487.259.581.409
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.4	352.172.364.323	346.148.156.624
Lợi nhuận gộp	20		183.249.014.297	141.111.424.785
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.5	5.912.129.578	4.092.352.800
Chi phí tài chính	22	5.6	10.726.230.429	7.139.224.723
Trong đó, chi phí lãi vay	23		5.241.003.286	5.036.933.010
Chi phí bán hàng	24	5.7	71.112.872.458	43.326.597.439
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.8	52.945.509.215	38.635.781.698
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		54.376.531.773	56.102.173.725
Thu nhập khác	31	5.9	29.712.800	96.091.761
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		29.712.800	96.091.761
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		54.406.244.573	56.198.265.486
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	11.106.245.121	11.407.172.070
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		43.299.999.452	44.791.093.416
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	2.474	2.551



HUỖNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 05 tháng 8 năm 2011

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	54.406.244.573	56.198.265.486
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.056.310.066	9.304.766.345
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	897.721.185	188.152.989
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.311.899.120)	(1.869.445.990)
Chi phí lãi vay	06	5.241.003.286	5.036.933.010
Lợi nhuận KD trước thay đổi vốn lưu động	08	68.289.379.990	68.858.671.840
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(36.586.761.791)	14.714.999.085
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	25.574.328.419	(84.311.826.194)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	23.700.139.917	(3.508.103.007)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	856.271.078	309.567.852
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.241.003.286)	(5.036.933.010)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.506.954.265)	(21.055.864.838)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.769.249.683	1.175.363.325
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(15.850.744.361)	(13.608.933.729)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.003.905.384	(42.463.058.676)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(6.852.668.354)	(21.378.577.956)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	1.000.000	8.399.545
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.373.098.500	403.820.000
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.000.000.000)	(3.540.500.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.187.000.632	1.665.306.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	708.430.778	(22.841.551.966)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	64.397.145.435	130.323.941.752
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(97.422.064.740)	(54.757.965.757)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.503.526.000)	(17.503.519.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.528.445.305)	58.062.456.995

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 VND	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	183.890.857	(7.242.153.647)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	41.392.630.785	22.821.815.791
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(72.782.273)	(188.152.989)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	41.503.739.369	15.391.509.155



HUỖNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 05 tháng 8 năm 2011

PHẠM NGỌC TUYẾN
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế DOMESCO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu, phụ liệu dùng làm thuốc cho người, vật tư y tế, trang thiết bị, dụng cụ y tế, hóa chất xét nghiệm; nước uống tinh khiết, nước khoáng thiên nhiên, và nước uống từ dược liệu; nguyên liệu, thành phẩm thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; thu mua nuôi trồng chế biến dược liệu làm thuốc. Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 30 tháng 12 năm 2003).

Công ty đã niêm yết cổ phiếu ở Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 94/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 12 năm 2006. Mã chứng khoán là DMC.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Văn phòng đại diện Công ty được đặt tại số 37 đường Thành Thái, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 9A đường Hùng Vương, phường Tự An, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Đồng Tháp đặt tại số 32, đường Lê Anh Xuân, khóm 2, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi nhánh Cần Thơ đặt tại lô A 325B-325C, khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Hà Nội ở số 23 -24N7A, khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Đà Nẵng tại 77 - Lý Nhân Tông, phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Vinh đặt tại số 155, đường Phan Đình Phùng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh ở Khu công nghiệp Tân Tạo, lô 24A-24B đường Trung Tâm, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

- Chi nhánh Hồ Chí Minh 2 đặt tại số 24A-24B đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Miền Đông số R65 đường Võ Thị Sáu, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Hải Dương số 77 Tam Giang, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 1.277 người, trong đó số nhân viên quản lý là 60 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên là 1.305 người, trong đó nhân viên quản lý là 60 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soạn lập theo theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 "Báo cáo tài chính giữa niên độ". Các thông tin trên báo cáo này nên được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, là báo cáo đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước Việt Nam.

Các chính sách kế toán được áp dụng khi soạn lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng và được trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các nguyên tắc kế toán và luật định của Việt Nam có thể có một số khác biệt ở một số phương diện trọng yếu so với các Chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các Nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi ở quốc gia của người đọc báo cáo. Do đó, Báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các khu vực nằm ngoài phạm vi Việt Nam.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn 6 tháng đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

3.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài Đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc giai đoạn 6 tháng được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và đánh giá lại được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

3.3 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác trừ đi khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định ("TSCĐ") bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 năm - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 năm - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm - 10 năm
TSCĐ khác	3 năm - 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá TSCĐ vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất (theo thời gian sử dụng)	47 năm/vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên năm mươi phần trăm (50%) quyền biểu quyết đối với công ty này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể, thường nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) quyền biểu quyết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp *giá gốc*. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư trái phiếu, cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết),... và thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một năm.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ (-) đi giá trị đã phân bổ lũy kế.

Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí, trong đó:

Công cụ dụng cụ

3 năm

Thuê cửa hàng, văn phòng

2 năm - 10 năm

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích lập vào cuối năm tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003. Mức trích lập quỹ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

3.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

3.15 Chi phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc do Công ty sản xuất và kinh doanh chịu thuế suất 5%. Nước uống đóng chai, thực phẩm chức năng và rượu chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Ưu đãi thuế TNDN

Đối với hoạt động sản xuất thuốc, Công ty được áp dụng thuế suất 20% (hai mươi phần trăm) trong 10 (mười) năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Đối với hoạt động khác, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành và thuế suất thuế TNDN hiện hành; và các điều chỉnh thuế TNDN của các giai đoạn trước vào thuế thu nhập giai đoạn hiện hành. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa mục đích tính thuế và kế toán tài chính, cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay chi phí không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

3.17 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty và người lao động đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương cơ bản theo hợp đồng lao động với các tỷ lệ như sau:

	<i>Bảo hiểm xã hội</i>	<i>Bảo hiểm y tế</i>	<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>Cộng</i>
Công ty	16,0%	3,0%	1,0%	20,0%
Người lao động	6,0%	1,5%	1,0%	8,5%
Cộng	22,0%	4,5%	2,0%	28,5%

3.18 Chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tiền mặt - VND	6.929.687.612	3.891.363.945
Tiền gửi ngân hàng	(i) 34.574.051.757	37.501.266.840
	41.503.739.369	41.392.630.785

(i) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

	Ngoại tệ	VND
VND	-	34.488.391.669
USD	4.124,62 #	85.660.088
		34.574.051.757

4.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên liên quan	189.650.983	396.071.278
Bên thứ ba	196.470.673.960	177.916.389.162
	196.660.324.943	178.312.460.440

4.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Ứng trước mua tài sản cố định	28.924.413.264	-
Ứng trước tiền hàng	1.907.676.792	8.383.145.351
	30.832.090.056	8.383.145.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế thu nhập cá nhân	123.237	1.394.925.408
Công ty Bình Minh Đồ	36.750.000	36.750.000
Chi quảng cáo / Công ty TNHH Hóa Dược Đồng Á	59.970.071	59.970.071
Chi phí thành lập Công ty cổ phần Domenol	171.798.922	154.239.750
Chiết khấu mua hàng / Công ty Hisamitsu	-	2.087.269.787
Phải thu khác	(i) 814.869.000	752.487.000
	1.083.511.230	4.485.642.016

- (i) Trong đó, khoản phải thu lại các cá nhân đã nhận chuyển quyền mua lại nhà từ Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp là 665.982.000 đồng. Vào năm 2007, Công ty đã ứng cho Công ty Xây lắp Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp để đăng ký mua nhà phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng trong năm 2008, Công ty thay đổi nhu cầu sử dụng nên đã chuyển quyền mua nhà lại cho các cá nhân này.

4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Hàng mua đang đi đường	-	605.572.500
Nguyên liệu, vật liệu	55.388.704.522	62.619.223.164
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.753.223.365	8.280.833.794
Thành phẩm	59.596.677.150	74.556.397.219
Hàng hóa	47.037.901.813	53.273.356.072
Hàng gửi đi bán	109.705.256	125.157.776
	173.886.212.106	199.460.540.525

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công cụ dụng cụ ở xưởng	3.262.540.035	2.980.813.307
Công cụ dụng cụ ở văn phòng	329.315.895	374.547.821
	3.591.855.930	3.355.361.128

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Tạm ứng	3.011.288.023	4.310.858.140
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.838.488.702	2.016.871.942
	4.849.776.725	6.327.730.082

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2011	136.039.347.029	109.912.513.910	19.755.710.984	11.190.279.624	276.897.851.546
Mua trong kỳ	41.630.378	-	-	57.350.000	98.980.378
Đầu tư XDCB	3.054.671.388	3.178.365.796	2.000.000	239.331.818	6.474.369.002
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.178.286)	(28.178.286)
Giảm khác	(22.051.543)	-	-	-	(22.051.543)
30/06/2011	139.113.597.252	113.090.879.706	19.757.710.984	11.458.783.156	283.420.971.098
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2011	28.001.374.843	53.667.368.700	8.499.932.434	5.434.009.802	95.602.685.779
Chi phí khấu hao	3.347.153.804	6.078.795.499	1.389.720.618	964.363.356	11.780.033.277
Khấu hao của TS hình thành từ quỹ phúc lợi	23.163.354	-	-	-	23.163.354
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(28.178.274)	(28.178.274)
30/06/2011	31.371.692.001	59.746.164.199	9.889.653.052	6.370.194.884	107.377.704.136
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2011	108.037.972.186	56.245.145.210	11.255.778.550	5.756.269.822	181.295.165.768
30/06/2011	107.741.905.251	53.344.715.507	9.868.057.932	5.088.588.272	176.043.266.962
Trong đó:					
Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố	24.503.097.721	12.653.059.588	-	-	37.156.157.309
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết vẫn đang sử dụng	11.803.126.180	30.520.998.010	3.542.257.304	2.619.576.832	48.485.958.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	37.740.255.117	1.212.501.880	38.952.756.997
Mua trong kỳ	-	41.000.000	41.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
30/06/2011	37.740.255.117	1.253.501.880	38.993.756.997
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2011	358.848.247	439.801.031	798.649.278
Khấu hao trong kỳ	179.424.125	96.852.664	276.276.789
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
30/06/2011	538.272.372	536.653.695	1.074.926.067
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	37.381.406.870	772.700.849	38.154.107.719
30/06/2011	37.201.982.745	716.848.185	37.918.830.930
<i>Trong đó:</i>			
GTCL của TS thể chấp, cầm cố	16.596.731.415	-	16.596.731.415

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Tổng giá trị dự toán (Triệu VND)</i>	<i>Thời gian dự kiến hoàn thành</i>	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí san lấp, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật - KCN Cần Lố			197.594.558	177.426.958
Tổng kho II - Tân Tạo			13.792.867.316	13.889.626.195
<i>Quyền sử dụng đất</i>			12.929.673.517	12.929.673.517
<i>Chi phí san lấp, xây dựng, công trình phụ</i>			863.193.799	959.952.678
Nhà máy sản xuất thuốc nguồn gốc dược liệu	132.522	Tháng 8/2011 (i)	1.470.570.693	359.629.327
Nhà máy SX thuốc viên- cốm-bột	207.200	Năm 2013	245.156.091	153.939.091
Chi nhánh Vinh	5.132	Năm 2011	886.337.364	99.985.575
Nhà máy bao bì DOMEPAK (KCN Tân Tạo)	55.141	Năm 2011	394.906.442	373.642.500
Hệ thống xử lý nước thải	15.400	Năm 2011	2.259.601.102	1.752.663.784
Đất trồng dược liệu			983.312.054	983.312.054
Khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng thu mua dược liệu tại Gò Tháp	19.125		255.231.564	255.231.564
Khu bảo tồn, khai thác, nuôi trồng thu mua dược liệu tại Trí Tôn-An Giang	12.834		200.371.287	200.371.287
Công trình nhà máy nước tinh khiết Cần Lố	9.244		405.311.576	405.311.576
Công trình NM SX Thuốc Nonbetalactam - Kem, Mỡ, Nước.	62.475		120.844.091	120.844.091
Công trình nhánh rẽ trung thế 3P-22KV & Trạm biến áp 3P-1600KVA (GĐ1)			-	1.176.875.742
Công trình hạ tầng kỹ thuật Khác			6.250.941.822	2.865.377.131
			505.371.638	675.375.766
			27.968.417.598	23.489.612.641

- (i) Quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh 4.22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.11 Đầu tư vào công ty con

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số dư (VND)	Tỷ lệ (%)	Số dư (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Domenol	6.500.000.000	65	4.500.000.000	45
	6.500.000.000		4.500.000.000	

Công ty TNHH Domenol theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1401164085 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 với vốn điều lệ là 10 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 70% vốn điều lệ. Hoạt động chính của DOMENOL là sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu các hóa chất cơ bản và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ cho việc sản xuất công nghiệp; sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu rượu vang, rượu mạnh các loại, pha chế rượu mạnh các loại; sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu đồ uống có cồn, nước khoáng, nước uống đóng chai, đóng bình.

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

		30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC)	(i)	13.570.200.000	13.570.200.000
Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL)	(ii)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO)	(iii)	20.000.000.000	20.000.000.000
		73.570.200.000	73.570.200.000

- (i) Công ty Cổ phần Y Dược Domedic (DOMEDIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000079 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 60 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 1,35 triệu cổ phiếu, tương đương 22,5% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domedic là khám và chữa bệnh, bán lẻ thuốc thành phẩm.
- (ii) Công ty Cổ phần Domenal (DOMENAL) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000099 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 3 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 4 triệu cổ phiếu, tương đương 32% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của Domenal là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc thú y, chế phẩm sinh học, hóa chất dùng trong thú y; thuốc thú y thủy sản; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; các loại hóa chất và thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

- (iii) Công ty Cổ phần Bao Bì Công Nghệ Cao Vĩnh Tường (VIPACO) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300373 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của VIPACO là sản xuất bao bì từ hạt nhựa nguyên sinh và kinh doanh bao bì nhựa.

4.13 Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011 (VND)			01/01/2011 (VND)
Cổ phiếu	713.780.000			5.962.980.000
	713.780.000			5.962.980.000
Bao gồm	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu	Giá mua bình quân	30/06/2011 (VND)
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Giang	10.000	47.000	13.319	626.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tây Ninh	100.000	798	110.000	87.780.000
				713.780.000

4.14 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công cụ dụng cụ	1.145.381.680	1.795.050.602
Thuê cửa hàng, văn phòng	1.752.204.314	1.348.870.979
Chi phí quảng cáo	67.500.000	75.000.000
	2.965.085.994	3.218.921.581

4.15 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	8.059.440.120	62.451.007.612
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (ii)	14.347.334.140	11.672.973.750
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (iii)	33.825.443.213	-
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC (iv)	22.000.000.000	22.000.000.000
Vay cá nhân, tổ chức khác (v)	7.865.000.000	7.781.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp (vi)	3.504.000.000	9.078.000.000
	89.601.217.473	112.982.981.362

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

- (i) Đây là khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với thời hạn vay 6 tháng, cụ thể như sau:

Nội dung vay	Lãi suất	Nguyên tệ	30/06/2011 (VND)
- EUR	4%/năm - 5.5%/năm	210.650,00	6.307.282.300
- JPY	5%/năm	6.818.000,00	1.752.157.820
			8.059.440.120

- (ii) Đây là khoản vay tín chấp từ 3 đến 6 tháng với lãi suất cho vay USD là 4,5%/năm - 5,2%/năm .

- (iii) Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất 9,5%/năm, cụ thể như sau:

Nội dung vay	Lãi suất	Nguyên tệ	30/06/2011 (VND)
- USD	4%/năm	1.506.835	31.070.937.906
- EUR	4,5%/năm - 4,72%/năm	91.994,70	2.754.505.307
			33.825.443.213

- (iv) Đây là khoản vay tín chấp không kỳ hạn với lãi suất 17%/năm.

- (v) Đây là khoản vay tín chấp cá nhân không kỳ hạn với lãi suất 1%/tháng.

- (vi) Đây là khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp (xem chi tiết ở thuyết minh số 4.22)

4.16 Phải trả người bán

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Bên liên quan	77.801.900	146.114.540
Bên thứ ba	58.896.764.555	42.494.155.611
	58.974.566.455	42.640.270.151

4.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	2.625.425.520	2.515.570.088
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.335.813	50.412.424
Thuế xuất nhập khẩu	339.640.682	39.357.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.689.899.844	8.090.608.988
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.372.106.990
Thuế tài nguyên	2.106.808	1.850.808
Các loại thuế khác	10.565.978	68.776.886
	8.669.974.645	12.138.683.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.18 Chi phí phải trả

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Trích trước chiết khấu	9.331.998.338	-
Khác	233.001.662	-
	9.565.000.000	-

4.19 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Kinh phí công đoàn	3.548.022.135	3.159.120.968
Bảo hiểm xã hội	19.701.237	292.130.082
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.057.675.375	6.355.490.860
Kinh phí hoạt động công tác Đảng	63.154.839	63.154.839
Cổ tức	-	33.160.000
Thuế thu nhập cá nhân	56.070.819	-
Bộ Công Thương (i)	2.658.340.000	-
Sở Y Tế Lâm Đồng	302.947.785	302.947.785
Đại học Y Dược	6.000.000	178.000.000
Cổ tức	21.037.375.800	-
Thù lao Hội đồng quản trị	7.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	183.832.192	101.217.000
	31.940.120.182	10.485.221.534

- (i) Đây là khoản tiền Nhà nước ứng trước nhằm hỗ trợ thực hiện Dự án "Hoàn thiện quy trình PIPERIN tinh khiết từ hồ tiêu" thuộc Chương trình "Nghiên cứu KHCN trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hóa dược đến năm 2020" theo Hợp đồng "Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ" số 006/2010/HĐ-DACNHD ngày 12 tháng 4 năm 2010 với tổng mức đầu tư của dự án là 21,922 tỷ đồng trong đó Nhà nước hỗ trợ 6,58 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.20 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng (VND)	Quỹ phúc lợi (VND)	Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ (VND)	Cộng (VND)
01/01/2011	482.145.513	290.128.227	4.014.172.592	4.786.446.332
Trích lập quỹ	7.000.000.000	4.921.995.400	-	11.921.995.400
Thu tiền khác	-	107.618.500	-	107.618.500
Tết Dương Lịch	-	(90.929.000)	-	(90.929.000)
Sinh nhật Công ty	(518.300.000)	-	-	(518.300.000)
Tết Nguyên Đán	(6.371.835.422)	(136.200.000)	-	(6.508.035.422)
Quà tặng khách hàng	-	(1.244.340.397)	-	(1.244.340.397)
Chi phúc lợi cho người lao động	(67.000.000)	(1.018.400.005)	-	(1.085.400.005)
Khấu hao	-	-	(23.163.354)	(23.163.354)
Chi thể thao	-	(48.000.000)	-	(48.000.000)
Tài trợ	-	(400.000.000)	-	(400.000.000)
Chi khác	(214.821.112)	(2.270.180.427)	-	(2.485.001.539)
30/06/2011	310.188.979	111.692.298	3.991.009.238	4.412.890.515

4.21 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.941.644.424	931.249.931
	1.941.644.424	931.249.931

4.22 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Đồng Tháp	16.667.401.700	14.597.401.700
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	9.487.500.000
	16.667.401.700	24.084.901.700

Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Đồng Tháp có hạn mức 28.537.000.000 đồng, với lãi suất từ 6,9%/năm, thời hạn 5 năm kể từ tháng 6 năm 2009, nhằm đầu tư Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu, với tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu công trình xây dựng và dây chuyền máy móc thiết bị của Nhà máy chiết xuất nguyên liệu-dược liệu. Số dư nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 3.504.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

4.23 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Năm 2010 (VND)
Số dư đầu năm	253.368.818	189.751.445
- Trích lập	-	180.997.223
- Chi trong kỳ	(91.512.700)	(117.379.850)
Số dư cuối năm/kỳ	161.856.118	253.368.818

4.24 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 51030000015 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp số 1400460395 đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp và cho đến ngày kết thúc giai đoạn 6 tháng, cổ đông góp vốn của Công ty đã góp đủ vốn điều lệ là 178.093.360.000 đồng, cụ thể như sau:

Cổ đông góp vốn	Số cổ phần	Số tiền VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	4.750.650	47.506.500.000	26,7
Cổ đông khác	13.058.686	130.586.860.000	73,3
Cộng	17.809.336	178.093.360.000	100

Cho đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính này, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO
Số 66, Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Cổ phiếu quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2010	178.093.360.000	229.275.000.000	(10.925.191.085)	33.053.413.153	10.560.423.609	62.007.885.905	502.064.891.582
Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước	-	-	-	-	-	82.791.634.722	82.791.634.722
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.812.195.330)	-	-	-	(4.812.195.330)
Thù lao Hội đồng Quản trị 2009	-	-	-	-	-	(503.246.685)	(503.246.685)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	27.678.395.933	-	(27.678.395.933)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	3.665.398.371	(3.665.398.371)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.996.195.112)	(11.996.195.112)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(17.503.519.000)	(17.503.519.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị 2010	-	-	-	-	-	(883.069.000)	(883.069.000)
Chi đào tạo	-	-	-	(2.495.167.207)	-	-	(2.495.167.207)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(171.250.000)	(171.250.000)
01/01/2011	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	58.236.641.879	14.225.821.980	82.398.446.526	546.491.883.970
Kết quả hoạt động trong kỳ	-	-	-	-	-	43.299.999.452	43.299.999.452
Thù lao Hội đồng Quản trị 2010	-	-	-	-	-	(758.763.696)	(758.763.696)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	25.076.233.667	-	(25.076.233.667)	-
Trích quỹ dự phòng TC	-	-	-	-	3.583.514.020	(3.583.514.020)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.921.995.400)	(11.921.995.400)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(38.507.741.800)	(38.507.741.800)
Thù lao Hội đồng Quản trị 2011	-	-	-	-	-	(504.500.000)	(504.500.000)
Chi đào tạo	-	-	-	(2.116.604.302)	-	-	(2.116.604.302)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(90.870.000)	(90.870.000)
30/06/2011	178.093.360.000	229.275.000.000	(15.737.386.415)	81.196.271.244	17.809.336.000	45.254.827.395	535.891.408.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	407.368.360.000	407.368.360.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	407.368.360.000	407.368.360.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	38.507.741.800	17.503.519.000

Cổ tức

Trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã công bố cổ tức của niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 22% và đã chi trả cổ tức còn lại của năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12% tương đương là 17.503.526.000 đồng.

Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.809.336	17.809.336
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.809.336	17.809.336
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(305.817)	(305.817)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	17.503.519	17.503.519
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá	10.000 VND	10.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	163.506.752.461	213.294.079.880
Doanh thu sản xuất thuốc	398.884.312.319	300.102.575.335
Doanh thu sản xuất nước tinh khiết	1.148.399.333	1.013.938.228
Doanh thu sản xuất rượu	231.938.209	273.005.031
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.185.260.766	1.828.751.402
	564.956.663.088	516.512.349.876

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Chiết khấu thương mại	28.869.942.676	-
Giảm giá hàng bán	-	27.383.333.562
Hàng bán bị trả lại	593.351.363	1.784.850.363
Thuế tiêu thụ đặc biệt	71.990.429	84.584.542
	29.535.284.468	29.252.768.467

5.3 Doanh thu thuần

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Doanh thu thuần	535.421.378.620	487.259.581.409

5.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Giá vốn của hàng hóa đã bán	146.021.401.182	193.335.751.226
Giá vốn sản xuất thuốc	205.258.252.619	152.070.603.254
Giá vốn sản xuất nước tinh khiết	690.150.811	572.906.401
Giá vốn sản xuất rượu	202.559.711	168.895.743
	352.172.364.323	346.148.156.624

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

5.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	551.826.632	239.906.445
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.635.174.000	1.425.400.000
Lãi từ chuyển nhượng chứng khoán	2.123.898.500	195.740.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.153.024.382	1.030.228.589
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	439.472.886	1.201.022.524
Chiết khấu	5.095.108	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.638.070	55.242
	5.912.129.578	4.092.352.800

5.6 Chi phí tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Lãi tiền vay	5.241.003.286	5.036.933.010
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	895.542.620	259.213.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.252.281.948	451.165.678
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.337.194.071	1.389.175.513
Chi phí tài chính khác	208.504	2.737.266
	10.726.230.429	7.139.224.723

5.7 Chi phí bán hàng

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Chi phí vật liệu, bao bì	937.840.576	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.311.166.063	1.879.072.316
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	64.855.474.275	37.345.521.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	730.528.352	3.656.017.536
Chi phí khác bằng tiền	3.277.863.192	445.985.880
	71.112.872.458	43.326.597.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

5.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	31.810.082.446	21.675.513.523
Chi phí vật liệu quản lý	612.902.562	631.547.715
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.018.338.223	3.187.925.344
Thuế, phí và lệ phí	752.316.038	962.582.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.229.403.673	5.189.612.181
Chi phí khác bằng tiền	7.522.466.273	6.988.600.926
	52.945.509.215	38.635.781.698

5.9 Thu nhập khác

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	1.000.000	8.399.545
Thu tiền bán hồ sơ thầu	5.000.000	33.636.364
Thu nhập khác	23.712.800	54.055.852
	29.712.800	96.091.761

5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành (i)	11.106.245.121	11.407.172.070
	11.106.245.121	11.407.172.070

(i) Chi phí thuế TNDN ước tính trên thu nhập chịu thuế giai đoạn hiện hành

	Hoạt động sản xuất (VND)	Hoạt động khác (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.906.320.416	4.499.924.157	54.406.244.573	56.198.265.486
Tổng cộng	49.906.320.416	4.499.924.157	54.406.244.573	56.198.265.486
Lợi nhuận tính thuế TNDN	49.906.320.416	4.499.924.157	54.406.244.573	56.198.265.486
Thuế suất	20%	25%		
Thuế TNDN	9.981.264.083	1.124.981.038	11.106.245.121	11.407.172.070
Chi phí thuế TNDN	9.981.264.083	1.124.981.038	11.106.245.121	11.407.172.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	43.299.999.452	44.791.093.416
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		43.299.999.452	44.791.093.416
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	(Cổ phiếu)	17.503.519	17.558.626
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	2.474	2.551

6. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

- (i) Trong giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Địa điểm / Quốc tịch*	Quan hệ
Công ty Cổ phần DOMENOL	(Việt Nam)	Công ty con
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần DOMENAL	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	(Việt Nam)	Công ty liên kết
Ban Điều hành	(Việt Nam)	Thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

Số 66, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

(ii) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2011 (VND)	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2010 (VND)
Công ty Cổ phần DOMENOL	Góp vốn	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Vay	-	2.000.000.000
	Bán hàng	403.367.555	645.994.761
	Lãi vay	1.716.822.220	530.166.666
Công ty Cổ phần DOMENAL	Bán hàng	112.620.579	64.456.406
	Lãi vay	-	262.500.001
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Mua hàng	414.378.000	84.598.200
Ban Điều hành	Thu nhập	1.405.035.940	1.458.108.166

(iii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công ty Cổ phần DOMENOL	Vốn góp	6.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Y Dược DOMEDIC	Vốn góp	13.570.200.000	13.570.200.000
	Vay	22.000.000.000	22.000.000.000
	Phải thu bán hàng	174.659.185	342.521.278
Công ty Cổ phần DOMENAL	Vốn góp	40.000.000.000	40.000.000.000
	Vay	-	10.000.000.000
	Phải thu bán hàng	14.991.798	53.550.000
Công ty Cổ phần bao bì công nghệ cao Vĩnh Tường	Vốn góp	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải trả mua hàng	77.801.900	146.114.540



HUỖNH TRUNG CHÁNH
Tổng Giám đốc

Thành phố Cao Lãnh, ngày 05 tháng 8 năm 2011

PHẠM NGỌC TUYỀN
Kế toán trưởng